

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DSST
Ngày 29 tháng 7 năm 2020
(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

**NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Thế – Ông Nguyễn Sỹ Tổ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 29/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2020/TLST-DS ngày 28/5/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 86/2020/QĐXX - ST ngày 07/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐ-HPT ngày 20/7/2020.

Giữa:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV

Địa chỉ: Số 98 LH, phường LH, quận Đ, thành phố Hà Nội

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV: Ông Phạm Tuấn A –Phó Giám đốc khối pháp chế.

- Người được ủy quyền lại: Ông Lê Đình T– Chuyên viên xử lý nợ (Có mặt)

- **Bị đơn:** +/Ông Phan Đình H, sinh năm 1977(vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do).

+/Bà Trần Thị H, sinh năm 1979(Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Đều trú tại: xóm P, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu được nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại bản khai và tại phiên hòa giải và tại phiên tòa:

Ngày 29/12/2017 Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV và vợ chồng ông Phan Đình H, sinh năm 1977 bà Trần Thị H, sinh năm 1979 trú tại xóm P, xã K, huyện Y,

tỉnh Nghệ An đã ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV chi nhánh phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV – chi nhánh Nghệ An số tiền gốc 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), mục đích vay mua xe ô tô Kia Cerrato 1.6GMT mới 100% theo Hợp đồng vay tiền và khế ước nhận nợ số: LN1712230402970 ngày 29/12/2017, với thời hạn vay 83 tháng với hình thức trả gốc và lãi hàng mỗi tháng. Theo qui định hợp vay tiền, khế ước nhận nợ mỗi tháng vợ chồng ông H, bà H phải trả 4.820.000 đồng tiền gốc và khoản lãi phát sinh vào ngày 15 của hàng tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay kết thúc là vào ngày 29/11/2024. Hợp đồng vay tiền, kế ước nhận nợ được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1712230402970 ngày 29/12/2017 được hai bên ký kết đã được Công chứng tại Văn phòng công chứng Thành An, số 55 Đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO có số khung RNYYE41M6HC114706, số máy G4FGHH681134, Biển kiểm soát 37A-41612 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 064595 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Nghệ An cấp 27/12/2017 thuộc quyền sử hữu của ông Phan Đình H, bà Trần Thị H. Bên cho vay, bên vay thỏa thuận với nhau được ghi trong hợp đồng theo hợp đồng vay tiền và khế ước nhận nợ số: LN1712230402970 ngày 29/12/2017 như sau: Lãi suất cho vay trong 6 tháng đầu là 9,4%/năm, sau đó điều chỉnh lãi suất cho vay 3 tháng 1 lần vào ngày 01/01 ngày 01/4, ngày 01/7 và ngày 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 29/6/2018, lần tiếp theo là ngày 01/7/2018, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh, cộng biên độ 5,5%/ 1 năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi phạt chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10% /1 năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Việc thanh toán tiền gốc, tiền lãi của ông H, bà H theo hợp đồng và khế ước nhận nợ thì ông H, bà H không phải đến ngân hàng trả trực tiếp, phía ngân hàng, vợ chồng ông H thống nhất mở một tài khoản tại ngân hàng, bên vay tiền nộp vào tài khoản sau đó ngân hàng sẽ kiểm tra tra số tiền đã nộp, tách chiết việc thanh toán gốc, lãi hàng tháng cho khách hàng.

Sau khi thực hiện hợp đồng vay tiền thì vợ chồng ông H, bà H đã vi phạm hợp đồng vay tiền, không thanh tiền gốc đầy đủ theo tháng như hợp đồng đã ký kết giữa hai bên qui định về nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà H đã trả được 43.380.000 đồng tiền gốc, trả được 28.496.898 đồng tiền lãi.

Theo bản thống kê tiền gốc ông H, bà H trả vào các ngày như sau: Ngày 16/1/2018 trả số tiền 4.767.063 đồng; ngày 22/01/2018 trả số tiền 52.937 đồng, ngày 01/3/2018 trả 542.246 đồng; ngày 13/3/2018 trả 4.277.754 đồng, ngày 23/3/2018 trả 4.820.000 đồng, ngày 13/6/2018 trả 4.820.000 đồng; ngày 20/7/2018 trả được 4.799.104 đồng, ngày 06/8/2018 trả 3.718.846 đồng, ngày 13/9/2018 trả 1.122.050 đồng; ngày 11/10/2018 trả 4.822.101 đồng; ngày 01/11/2018 trả 4 đồng; ngày 15/11/2018 trả 4.869.172 đồng; ngày 20/12/2018 trả được 4.768.723 đồng.

Theo bản thống kê tiền lãi ông H, bà H đã thanh toán được 28.496.898 đồng vào các ngày như sau: Ngày 16/01/2018 trả 1.777.937 đồng; ngày 22/1/2018 trả 124 đồng; ngày 21/2/2018 trả 6951 đồng; ngày 01/3/2018 trả 4.277.776 đồng; ngày 13/3/2018 trả 24383 đồng; ngày 15/3/2018 trả 697.863 đồng; ngày 23/3/2018 trả 1.736.953 đồng; ngày 16/4/2018 trả 43.083 đồng; ngày 13/6/2018 trả 5.127.209 đồng; ngày 06/8/2018 trả 1.260.256 đồng; ngày 13/9/2018 trả 3.357.053 đồng; ngày 11/10/2018 trả 3.767.002 đồng; ngày 15/11/2018 trả 4.209.928 đồng; ngày 20/12/2018 trả 2.210.380 đồng.

Kể từ ngày 21/12/2018 đến nay ông Hiền, bà H không thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng như hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Do ông H, bà H vi phạm hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện ông H, bà H để thu hồi nợ trước hạn. Tính đến ngày 20/12/2018 thì vợ chồng ông H, bà H đã thanh toán được tổng số tiền 71.876.898 đồng trong đó trả tiền gốc 43.380.000 đồng, trả tiền lãi 28.496.898 đồng. Tính đến ngày xét xử vụ án (ngày 29/7/2020), ông H bà H còn nợ 519.450.253 đồng, trong đó nợ gốc 356.620.000 đồng, lãi phải trả 146.618.511 đồng, phạt chậm trả 16.211.742 đồng, Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Đình H, bà Trần Thị H phải thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số tiền trên.

Trong trường hợp vợ chồng ông H, bà H không trả được nợ hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV đề nghị cho phát mãi tài sản vợ chồng ông H, bà H đã thế chấp là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO do ông H, bà H đã thế chấp để thu hồi nợ, sau khi phát mãi tài sản đảm bảo mà không đủ trả nợ, thì đề nghị Tòa án buộc ông H, bà H tiếp tục có trách nhiệm nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại gồm lãi suất, lãi suất quá hạn, phạt chậm trả theo qui định được ghi trong hợp đồng vay tiền.

Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Đình H, có tình không hợp tác, chỉ có vợ là bà Trần Thị H tham gia. Quá trình viết bản tự khai, trình bày ý kiến trong quá trình hòa giải bà Trần Thị H thừa nhận việc ký kết hợp đồng vay tiền giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV với vợ chồng bà đúng như đại diện ngân hàng đã trình bày là đúng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là chiếc ô tô nhãn hiệu KIA CERATO có số khung RNYYE41M6HC114706, số máy G4FGHH681134, Biển kiểm soát 37A-41612 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 064595 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Nghệ An cấp 27/12/2017 thuộc quyền sử hữu của ông Phan Đình H, bà Trần Thị H. Bà Trần Thị H cho rằng sau khi mua xe, do làm ăn không thuận tiện nên vợ chồng không có tiền trả nợ gốc, lãi hàng tháng cho ngân hàng như hợp đồng hai bên đã ký, vi phạm hợp đồng. Sau khi đối chiếu các tài liệu mà phía ngân hàng cung cấp chứng minh số tiền gốc và lãi vợ chồng ông H, bà H đã thanh toán và theo dõi số tiền nộp vào tài khoản để thanh toán cho ngân hàng thì bà H vợ ông H thừa nhận mới chỉ thanh toán tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng đến ngày 20/12/2018, trong đó trả tiền gốc 43.380.000 đồng, trả lãi 28.496.898 đồng. Từ ngày 21/12/2018 đến nay không trả gốc, trả lãi cho ngân hàng, nay Ngân hàng khởi kiện bà H chấp nhận số liệu do ngân hàng đưa ra, đề nghị Tòa án xử lý vụ án theo qui định của pháp luật.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đồng bị đơn ông Phan Đình H không hợp tác, Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của ông Phan Đình H để lưu tại hồ sơ vụ

án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai của người đại diện cho nguyên đơn, đồng bị đơn và trình trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa thì việc Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV đã ký kết Hợp đồng vay tiền, Hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay đã cho vợ chồng Phan Đình H, bà Trần Thị H vay khoản tiền gốc, sau đó bên vay tiền đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng các bên đã ký kết thỏa thuận cơ bản đúng như đại diện của nguyên đơn, đồng bị đơn trình đã trình bày ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được qui định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đồng bị đơn là vợ chồng ông Phan Đình H, bà Trần Thị H có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng chỉ có bà H chấp hành, ông H không chấp hành, không hợp tác, cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Phan Đình H vắng mặt không có lý do, bà Trần Thị H đồng bị đơn có mặt, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai người đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Phan Đình H tiếp tục vắng mặt không có lý do, bà Trần Thị H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung : Quá trình nghiên cứu các tài liệu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa thấy rằng Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV khởi kiện vợ chồng ông Phan Đình H, bà Trần Thị H thanh toán khoản nợ còn lại theo hợp đồng vay tiền và khế ước nhận nợ số: LN1712230402970 ngày 29/12/2017 và đề nghị xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay là có căn cứ. Việc vay nợ của vợ chồng ông H, bà H được chứng minh tại Hợp đồng vay tiền và khế ước nhận nợ số: LN1712230402970 ngày 29/12/2017. Kèm theo hợp đồng vay tiền Hợp đồng, khế ước nhận nợ, còn được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1712230402970 ngày 29/12/2017 được hai bên ký kết, đã được Công chứng tại Văn phòng công chứng TA, tại thành phố V, tỉnh Nghệ An do phía ngân hàng cung cấp được lưu trong hồ sơ vụ án. Đối chiếu qui định của hợp đồng vay tiền, khế ước nhận nợ thì đây là hợp đồng vay tiền mua ô tô trả góp dư nợ giảm dần với thời hạn vay là 83 tháng kể từ thời gian ông H, bà H nhận

tiền tức ngày 29/12/2027. Mỗi tháng vợ chồng ông Hiền, bà H phải thanh toán cho ngân hàng là 4.820.000đ và khoản lãi phát sinh vào ngày 15 của hàng tháng, thời điểm thanh toán kết thúc cho khoản vay là vào ngày 29/11/2024. Theo dữ liệu, các tài liệu do phía ngân hàng giao nộp và sự thừa nhận của bà Trần Thị H thì trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, thì vợ chồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi hàng tháng cho ngân hàng. Trước ngày 20/12/2018 vợ chồng ông H, bà H đã trả được 43.380.000 đồng tiền gốc, trả được 28.496.898 đồng tiền lãi. Từ ngày ngày 21/12/2018 đến nay ông H, bà H không thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng mặc dù đã được phía ngân hàng đốc thúc trả nợ. Thời hạn vay khoản tiền vay 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng) là 83 tháng kể từ ngày 29/12/2017, thời hạn trả nợ gốc, lãi cuối cùng của khoản vay là vào ngày 29/11/2024. Quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay thì vợ chồng ông H đã vi phạm hợp đồng, nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà H trả nợ trước hạn là đúng pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Kể từ ngày 21/12/2018 đến ngày 29/7/2019 (ngày xét xử vụ án) vợ chồng ông H, bà H chưa thanh toán số tiền gốc còn lại 356.620.000 đồng, lãi phải trả 146.618.511 đồng, phạt chậm trả 16.211.742 đồng cho ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 519.550.253 đồng, cần buộc vợ chồng ông H, bà H trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV số tiền này.

Xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay: Ngoài việc ký kết hợp đồng vay tiền thì giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV và vợ chồng ông H, bà H còn ký kết Hợp đồng Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1712230402970 ngày 29/12/2017 để đảm bảo cho khoản vay, hợp đồng đã được Công chứng tại Văn phòng công chứng TA, số 55 Đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO có số khung RNYYE41M6HC114706, số máy G4FGHH681134, Biểm kiểm soát 37A-41612 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 064595 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Nghệ An cấp 27/12/2017 thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Phan Đình H, bà Trần Thị H. Đây là tài sản hợp pháp của ông H, bà H được dùng để bảo đảm cho khoản vay. Nếu ông H, bà H không trả nợ, hoặc trả không đủ nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tạm giữ để phục vụ cho việc thi hành khoản tiền do vợ chồng ông H, bà H đang nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Phan Đình H, bà Trần Thị H phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 299 Bộ luật Dân sự 2015.

Xử: Buộc vợ chồng ông Phan Đình H, bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV tổng số tiền 519.450.253đ(Năm trăm mười chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, hai trăm năm mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc 356.620.000đ(Ba trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng), tiền lãi suất 146.618.511đ(Một trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm mười tám nghìn, năm trăm mười một đồng), tiền phạt chậm trả 16.211.742đ(Mười sáu triệu, hai trăm mười một nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng).

Kể từ ngày 30/7/2020 ông Phan Đình H, bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền và khế ước nhận nợ số: LN1712230402970 ngày 29/12/2017 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV và vợ chồng ông H, bà H cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng vay tiền, khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H, bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp vợ chồng ông Phan Đình H, bà Trần Thị H không trả khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An phát mại tài sản do vợ ông Phan Đình H, bà Trần Thị H thế chấp là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA CRATO, số khung RNYYE41M6HC114706, số máy G4FGHH681134, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 064594 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Nghệ An cấp ngày 27/12/2017 thuộc quyền sở hữu của ông Phan Đình H, bà Trần Thị H xác lập theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1712230402970 ngày 29/12/2017 được hai bên ký kết đã được Công chứng tại Văn phòng công chứng TA, số 55 Đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng để thu hồi nợ. Sau khi phát mại tài sản thế chấp, nếu tài sản thế chấp vẫn không đủ để trả nợ thì vợ chồng ông Phan Đình H, bà Trần Thị H phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc vợ chồng ông Phan Đình H, bà Trần Thị H phải nộp 24.776.000đ(Hai mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí số tiền 10.963.000đ(Mười triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng) cho Ngân hàng TMCP Việt Nam, TV, theo biên lai nộp tiền số: 0000450 ngày 28/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành- Nghệ An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của bị đơn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS NDYT
- VKSND, TAND tỉnh Nghệ An
- Chi cục THADS
- Lưu hồ sơ vụ án
- L- u K/quả
- Các đ- ơng sự

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc